

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/03/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK10+TD3+P3	7:25	2+5+15	0+0+0		2+5+15	0+0+0	426
2		AMD+TGTH1	7:25	15+3	0+0		14+5	0+0	618
3		P4+P1	7:25	8+11	0+0		6+13	0+0	614
4		GTCl+TD2+P5	9:25	10+0+10	0+0+0		0+6+16	0+0+0	426
5		BK4+CTK3+AMD	9:25	9+1+9	0+0+0		3+3+13	0+0+0	618
6		P5+P1	9:25	7+11	0+0		6+13	0+0	614
7		TD3+P4+AMD	11:25	10+0+6	0+0+0		7+4+8	0+0+0	618
8		RP3+P4	13:25	2+17	0+0		0+19	0+0	618

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2025	TO: BK10 - TD3 - P3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	BK10	27	1	19	3	34	80	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC QUÂN	BK10	28	1	12			78	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ HOÀI THANH	TD3	76	1	5	1	13	60	YTE	Vietnamese
4	BUI THẾ DIỄN	TD3	77	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC SƠN	TD3						78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	TD3						68	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN ANH ĐỨC	TD3	78	1	8			94	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÌNH SONG HAI	P3	40	1	7	2	22	62	YTE	Vietnamese
9	HOANG MẠNH CUÔNG	P3	50	1	6	1	2	65	KH-THAC	Vietnamese
10	CHAU ĐÌNH TỰ	P3	37	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
11	LAM TUAN KHAI	P3	51	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	P3	46	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC VINH	P3	47	1	7			60	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG NAM HAI	P3	43-44	2	15			87	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ TAM THUY	P3	38	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO HỮU PHƯỚC	P3	45	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN CÔNG THANH	P3	39	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN LAM	P3	35-36	2	13			69	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH HÙNG	P3	41	1	18			83	CODIEN	Vietnamese
20	ĐO HOÀI NAM	P3	48	1	9			68	PSV	Vietnamese
21	PHẠM MINH TUẤN	P3	42	1	13			63	PSV	Vietnamese
22	LÊ TUẤN VŨ	P3	49	1	7			102	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK10	2	158	2	31	3	34	2		
2	TD3	5	370	3	19	1	13	5		
3	P3	15	1.088	17	123	3	24	15		
TOTAL		22	1.616	22	173	7	71	22		
WEIGHT KG			1.616		173		71			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2025	TO: AMD - TGTH1	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: MTIEN - <i>Trần Công</i>	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAM VAN AN	AMD	05	1	8	2	24	68	HLJOC	Vietnamese
2	TRINH BICH NGOC	AMD	01-02	2	11			70	TLJOC	Vietnamese
3	VU NGOC DUONG	AMD	14	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM TUAN HA	AMD	10	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN LE HOA	AMD	04	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese
6	TRUONG THE HIEN	AMD	11	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
7	DOAN TAN TRI	AMD	07	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DINH KHANH	AMD	03	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM ANH NGU	AMD	06	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO BA THANH	AMD	17	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN CONG THANH	AMD	08-09	2	16			67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MANH CAN	AMD	13	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
13	CHU HUU CHINH	AMD	18	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HIEN	AMD	12	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRAN QUOC KHANG	AMD	19-20	2	18			71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRUNG KIEN	TGTH1	06-07	2	14			96	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM VIET DUC	TGTH1	08	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
18	LE QUANG VIET	TGTH1	09	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	15	1.000	18	120	2	24	14		
2	TGTH1	3	248	4	29	0	0	5		
TOTAL		18	1.248	22	149	2	24	19		
WEIGHT KG			1.248		149		24			

GRAND TOAL: 1.421 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2025	TO: P4 - P1	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ATUẤN - VLINH	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	MARZEV MIKAIL	P4	96-97	2	14			84	KH-THAC	Russian
2	PODYMOV DNITRY	P4	90	1	6			146	KH-THAC	Russian
3	TRINH VIET THANG	P4	95	1	10			85	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG NGOC TRUONG	P4	94	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HOANG	P4	98	1	9			90	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU SY	P4	89	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	91-93	3	10	1	13	54	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN PHÚC	P4	900	1	8			68	KHI	Vietnamese
9	TRẦN VĂN TÙNG	P1	65	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN LẠNH	P1	57	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐINH VĂN THẮNG	P1	58	1	6	1	15	63	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN THẮNG	P1	61	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ NGỌC HẢI	P1	66	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG NHẬT THANH	P1	64	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN KHÁNH DUY	P1						87	KH-THAC	Vietnamese
16	VI KHẮC THANH	P1	62	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	59	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ MINH HIẾU	P1	60	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	8	686	11	69	1	13	6		
2	P1	10	691	9	51	1	15	13		
TOTAL		18	1.377	20	120	2	28	19		
WEIGHT KG			1.377		120		28			

GRAND TOAL: 1.525 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/03/2025	TO: GTC1 - TD2 - P5	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 11:50
CAM-2			

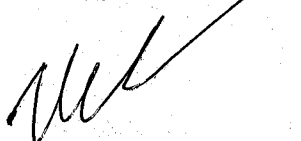
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TRUNG CHÍNH	GTC1	68	1	16			96	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI XUAN NGOC	GTC1	62-63	2	17			60	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ ANH NGOC	GTC1	60-61	2	14			54	XAYLAP	Vietnamese
4	LUƠNG VĂN THỨC	GTC1	56	1	12			78	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ VĂN BAY	GTC1	66-67	2	18	1	20	55	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG THANH	GTC1	57	1	16			90	XAYLAP	Vietnamese
7	VÔ VĂN LINH	GTC1	69-70	2	12			58	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT DUY	GTC1	64-65	2	21			77	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC THỂ	GTC1	58-59	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN ĐOÀN ĐOÀN	GTC1	71-72	2	15	2	50	60	XAYLAP	Vietnamese
11	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	P5	04	1	6			65	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN HOANG VIỆT	P5	07	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
13	TÔNG XUAN SINH	P5	09-10	2	16			62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P5	05	1	7			86	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN MINH	P5	03	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐÌNH TỰ	P5	08	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
17	LUƠNG VĂN THANH	P5	02	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	01	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN ĐÌNH PHẠC	P5	200	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN CAO MẠNH	P5	06	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI VĂN QUAN	P5	95	1	3			66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	GTC1	10	698	17	161	3	70	0		
2	TD2	0	0	0	0	1	2	6		
3	P5	11	793	12	65	0	0	16		
TOTAL		21	1.491	29	226	4	72	22		
WEIGHT KG			1.491		226		72			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

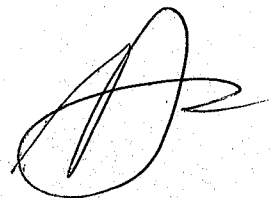
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2025	TO: BK4 - CTK3 - AMD	AIRCRAFT: 618	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: MTIẾN - TRƯỜNG	ETA: 11:45
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG NGOC LAN	BK4	10	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN SOAI	BK4	19	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN TOAN	BK4	20-21	2	18			63	XAYLAP	Vietnamese
4	LE VAN LAM	BK4	24-25	2	18			75	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN XUAN TRUNG	BK4	11-12	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
6	TRUONG VAN TRE	BK4	22-23	2	24			64	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG XUAN THIN	BK4	17-18	2	23	1	20	58	XAYLAP	Vietnamese
8	LE VAN BINH	BK4	13-14	2	19	1	15	57	XAYLAP	Vietnamese
9	DO XUAN PHUONG	BK4	15	1	10	1	16	60	XAYLAP	Vietnamese
10	THAI QUANG HUY	CTK3	75	1	6			65	VNHS	Vietnamese
11	LE VIET THANG	AMD	27-28	2	11			72	KH-THAC	Vietnamese
12	DAO DUC HUY	AMD	25	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN MINH HOANG	AMD	23	1	9			89	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN QUOC VIET	AMD	32	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HONG LINH	AMD	30	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN LE HONG VU	AMD	29	1	7			60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC THU	AMD	31	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN NGOC THU	AMD	26	1	2			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK4	9	598	15	150	3	51	3		
2	CTK3	1	65	1	6	0	0	4		
3	AMD	8	576	9	57	0	0	12		
TOTAL		18	1.239	25	213	3	51	19		
WEIGHT KG			1.239		213		51			

GRAND TOAL: 1.503 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2025	TO: P5 - P1	AIRCRAFT: 614	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: ATUẤN - VLINH	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TRỌNG MINH	P5	88-89	2	12			67	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ ĐỨC HUY	P5				3	32	65	T-TIN	Vietnamese
3	NGUYỄN THẾ HOÀNG	P5	75,90	2	20			99	T-TIN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN MINH	P5	74	1	11			84	T-TIN	Vietnamese
5	ĐẠO XUÂN THANH	P5	76	1	4			67	PSV	Vietnamese
6	ĐOÀN ANH PHƯƠNG	P5	94	1	8			70	PSV	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN LINH	P1	73	1	12	2	40	60	YTE	Vietnamese
8	LÊ QUANG TIẾN	P1	72	1	2			61	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN THƯƠNG	P1	71	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN THANH HẢI	P1	75	1	13			73	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1	78	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG TUYẾN	P1	69	1	6			89	KH-THAC	Vietnamese
13	DUƠNG DUY KHUÔNG	P1	79	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
14	DUƠNG NGUYỄN LONG NHÂN	P1	76-77	2	6			128	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ NGUYỄN KHÁNH DUY	P1	70	1	8			54	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	P1	68	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ HUU CHUNG	P1	74	1	5			50	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P5	6	452	7	55	3	32	6		
2	P1	11	816	12	77	2	40	13		
TOTAL		17	1.268	19	132	5	72	19		
WEIGHT KG			1.268		132		72			

GRAND TOAL: 1.472 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2025	TO: TD3 - P4 - AMD	AIRCRAFT: 618	ETD: 12:15
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: ĐTRUNG - VUÔNG	ETA: 14:05
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN TIEN HIỆP	TD3	45	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
2	MAI CÔNG LAN	TD3						66	KH-THAC	Vietnamese
3	TRINH VAN PHUONG	TD3						78	KH-THAC	Vietnamese
4	LAM ĐĂNG GIANG	TD3	44	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGUYEN HAI DUONG	TD3	49	1	6			87	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÌNH XUÂN TOÀN	TD3	46	1	9			67	T-TIN	Vietnamese
7	TRẦN BẢO CHUÔNG	TD3	47-48	2	22	1	13	67	T-TIN	Vietnamese
8	ĐẠO TUÂN CHỦ	TD3	50	1	12			66	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	TD3	52	1	4			65	PSV	Vietnamese
10	PHẠM PHU BÌNH	TD3	51	1	5			68	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH SONG	AMD	40	1	6			56	KH-THAC	Vietnamese
12	TRƯƠNG ĐỨC HÙNG	AMD	41	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	AMD	38	1	3	2	21	76	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN TÂN VƯƠNG	AMD	36	1	6			70	PSV	Vietnamese
15	LÊ VĂN THIỆN	AMD	39	1	9			66	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	AMD	37	1	5			58	PSV	Vietnamese
17	PHAM THE LONG	AMD	33-35	3	16			76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	10	704	9	70	1	13	7		
2	P4	0	0	0	0	0	0	4		
3	AMD	7	479	9	53	2	21	8		
TOTAL		17	1.183	18	123	3	34	19		
WEIGHT KG			1.183		123		34			

GRAND TOAL: 1.340 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2025	TO: RP3 - P4	AIRCRAFT: 618	ETD: 14:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: ĐTRUNG - VUÔNG	ETA: 16:25
TRANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐINH HOÀI ĐỨC	RP3	02-03	2	5	2	35	68	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH NAM	RP3	01	1	9			77	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TÂM	P4	77	1	13			64	YTE	Vietnamese
4	LÂM VĂN PHÚC	P4	75	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	79	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI TIỀN THANH	P4	80	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG KHÁC DŨ	P4	82	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN CŨ	P4						59	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO MINH TUÂN	P4						70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH HAI	P4	84	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG THẾ ANH	P4	86	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
12	LÂM XUÂN HAI	P4	85	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HÙNG BAY	P4	81	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HAI	P4	83	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH NAM	P4	76	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM LÊ DƯƠNG	P4						82	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ HOÀNG PHỤNG	P4	78	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU THANH	P4						68	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN QUANG HUY	P4	87	1	8			88	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	2	145	3	14	2	35	0		
2	P4	17	1.205	13	79	0	0	19		
TOTAL		19	1.350	16	93	2	35	19		
WEIGHT KG			1.350		93		35			

GRAND TOAL: 1.478 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN